

Bản án số: 248/2023/HS-PT

Ngày 09-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Viết Hùng

Ông Bùi Đức Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 194/TLPT-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Phạm Thị Thu H, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2023/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1984 tại Phú Thọ; Thường trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình Í (chết) và bà Lã Thị T (chết); Chồng: không rõ và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2022); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Thị Thu H, sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 4/11 đường N, phường H, quận T, TP .; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T1 và bà Thiều Thị Ánh H1; Bị cáo có chồng tên

Phạm Công D và có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa:*

1. Luật sư Nguyễn Văn T2 làm việc tại Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh L (Có mặt tại phiên tòa).

2. Luật sư Trần Hoàng D1 làm việc tại Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thu H (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, Nguyễn Thị Thanh L đã thuê căn nhà tại địa chỉ 3 T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh làm nơi chứa thuốc lá điều nhập lậu để bán lại kiếm lời. Từ đầu tháng 11/2021, L lên mạng internet và mạng xã hội Facebook, vào các hội nhóm mua bán thuốc lá điều nhập lậu để tìm mua. Khi cần mua loại nào, L đăng ảnh và để lại số điện thoại liên lạc. Sau đó, các đối tượng trên mạng liên lạc lại với L báo giá và sau khi thỏa thuận thống nhất thì đối tượng mang thuốc lá đến giao cho L tại địa chỉ 3 T, phường P, quận T. Khi các đối tượng đến giao thuốc lá điều nhập lậu, L trực tiếp nhận, thanh toán tiền mặt và bán lại cho khách vãng lai (không rõ lai lịch) thông qua mạng internet, mạng xã hội Facebook. L sử dụng tài khoản Facebook và tài khoản Zalo tên “Hoa Ban T3” để nhắn tin, gọi điện trao đổi việc mua bán thuốc lá điều nhập lậu.

Đến giữa tháng 11/2021, L thuê Phạm Thị Thu H đóng gói và giao thuốc lá và giao thuốc cho khách với tiền công 100.000 đồng/buổi. Ngày 08/01/2022, L chỉ đạo H lấy 70 (bảy mươi) bao thuốc lá hiệu King Edward The Seventh Chocolate Imperial trong nhà số C T rồi đóng gói giao cho Hoàng Văn L1. Và khi H điều khiển xe gắn máy biển số 59M1-62970 chở 70 (bảy mươi) bao thuốc lá nêu trên đến trước số C T, phường P, quận T để giao cho Hoàng Văn L1 thì bị Công an quận T kiểm tra thu giữ vào lúc 09 giờ cùng ngày 08/01/2022.

Mở rộng điều tra Công an đã tiến hành khám xét tại địa chỉ 3 T, phường P, quận T phát hiện thu giữ 7.040 (bảy ngàn không trăm bốn mươi) bao thuốc lá điều các loại là của Nguyễn Thị Thanh L đã mua trên mạng trước đó nhưng chưa kịp tiêu thụ.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Thanh L, Phạm Thị Thu H khai nhận toàn bộ sự việc như trên và xác nhận tính đến ngày bị phát hiện, L đã thu lợi

được 12.500.000 đồng từ việc buôn bán thuốc lá điều nhập lậu và H thu lợi được 2.000.000 đồng từ việc giúp sức cho L buôn bán thuốc lá điều nhập lậu.

Theo công văn số 28/CVTĐ-2022-HHTLVN của H2 xác định 13 mẫu cây thuốc lá điều có nhãn hiệu: Esse Special Gold T Leader's, S, Esse Golden Leaf S, Esse C, Superior Virginia Geogre Karelias and S, Z, Raison Blue Cat C, 555 Blend No. 555 G, 555 Blend No.555 O, Chapman C1, Raison I, Richmond Elegant D và King Edward T là thuốc lá điều nhập lậu.

Qua giám định tại trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thành phố H xác định 150 điều thuốc lá nhãn hiệu King Edward The Seventh Chocolate Imperial (30 bao, loại 05 điều/bao) tạm giữ của Nguyễn Thị Thanh L có tổng trọng lượng là 1.155,583g

Đối với 350 điều thuốc lá nhãn hiệu King Edward The Seventh Chocolate Imperial (70 bao, loại 5 điều/ bao) tạm giữ của Hoàng Văn L1 tổng trọng lượng là 2.659,283g.

Theo quy định tại Nghị định 98/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/08/2020 thì đơn vị tính thuốc lá nhập lậu là bao, cụ thể 01 bao = 20 điều, đối với thuốc lá xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác nhập lậu được quy đổi 20g = 01 bao. Do đó, đối với vật chứng tạm giữ của Nguyễn Thị Thanh L là 150 điều thuốc lá nhãn hiệu King Edward The Seventh Chocolate Imperial (30 bao, loại 05 điều/bao) có tổng trọng lượng là 1.155,583g thì quy đổi ra là 57,78 bao, xấp xỉ 58 bao.

Đối với thuốc lá thu giữ của Hoàng Văn L1 là 350 điều thuốc lá nhãn hiệu King Edward The Seventh Chocolate Imperial (70 bao, loại 05 điều/bao) có tổng trọng lượng là 2659,283g thì quy đổi ra là 132,96 bao, xấp xỉ 133 bao.

Căn cứ Công văn số 28/CVTĐ-2022-HHTLVN, ngày 16/02/2022 của H2 “về việc thẩm định thuốc lá điều nhập lậu” và Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/08/2020 của Chính phủ thì có căn cứ để xác định: tổng số lượng thuốc lá nhập lậu mà Nguyễn Thị Thanh L có hành vi buôn bán là: 6.571 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại (trong đó có: 700 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Esse Special Gold The Leader's Signature, loại 20 điều/bao; 700 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Esse Golden Leaf S, loại 20 điều/bao; 500 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Esse Change, loại 20 điều/bao; 90 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Superior Virginia Geogre Karelias and S1, loại 20 điều/bao; 190 bao thuốc lá điều nhãn hiệu ZOUK, loại 20 điều/bao; 850 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Raison Blue Cat C, loại 20 điều/bao; 1.150 bao thuốc lá điều nhãn hiệu 555 Blend No.555 Gold, loại 20 điều/bao; 250 bao thuốc lá điều nhãn hiệu 555 Blend N.555 Original, loại 20 điều/bao; 100 (một trăm) bao thuốc lá điều nhãn hiệu Chapman Coffee, loại 20

điều/bao; 1.350 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Raison Ice Cafe, loại 20 điều/bao; 500 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Richmond Elegant Distinctive Flavor, loại 20 điều/bao; 30 (ba mươi) bao thuốc lá điều nhãn hiệu King Edward The Seventh Chocolate Imperial, loại 05 điều/bao; 180 bao thuốc lá điều nhãn hiệu White Horse B, loại 20 điều/bao; 290 (hai trăm chín mươi) bao thuốc lá điều nhãn hiệu 555 Gold, loại 20 điều/bao và 160 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Craven Classic, loại 20 điều/bao).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2023/HS-ST ngày 18-4-2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Phạm Thị Thu H phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s,n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh L 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; khoản 1 Điều 3; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngày 28/4/2023, bị cáo Nguyễn Thị Thanh L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Phạm Thị Thu H có đơn kháng cáo kêu oan nhưng đến ngày 14/7/2023, bị cáo Phạm Thị Thu H lại có đơn sửa đổi, bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo L bổ sung tài liệu thể hiện có cha ông Nguyễn Đình Í là người có công với nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 12.500.000 đồng mà bản án sơ thẩm tuyên phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và tuyên phạt

bị cáo L từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù.

Đối với bị cáo Phạm Thị Thu H mặc dù ban đầu bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng sau đó thay đổi kháng cáo xin hưởng án treo là thể hiện sự thay đổi về nhận thức của bị cáo về tội phạm thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo và bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng mà cấp sơ thẩm đã tuyên nên đề nghị xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo H. Xét bị cáo là đồng phạm giúp sức có vai trò hạn chế, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo phạm tội lần đầu, nay bị xử phạt tù dưới 03 năm. Do đó, đề nghị cấp Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, giữ nguyên mức phạt tù nhưng cho bị cáo H được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

- Bị cáo L không tranh luận mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo H không tranh luận mà chỉ xin xem xét được hưởng án treo.

- Luật sư Nguyễn Văn T2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh L trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh, khung hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo L. Luật sư chỉ trình bày thêm các tình tiết giảm nhẹ mới, đó là bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; thuộc thành phần gia đình có công với nước và đã nộp lại số tiền 12.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính nên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo L.

- Luật sư Trần Hoàng D1 bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thu H trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo H. Luật sư chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, vai trò của bị cáo trong vụ án chỉ là đồng phạm giúp sức mang tính thứ yếu, bị cáo là người làm công, hưởng lương theo ngày, giao thuốc lá lậu theo chỉ đạo của bị cáo L nên bị cáo H phạm tội có tính phụ thuộc. Về tình tiết giảm nhẹ, ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng là thể hiện hơn nữa tính ăn năn, hối cải, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có 02 con nhỏ sinh năm 2012, 2014, nên đề nghị xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo H được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Tại lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được sai lầm của bản thân, bị cáo L xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về lo cho các con còn nhỏ; bị cáo H xin được hưởng án treo để tự cải tạo làm công dân tốt, cống hiến cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, cùng lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

[1.1] Vào khoảng đầu tháng 11/2021 Nguyễn Thị Thanh L thuê căn nhà tại địa chỉ 3 T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh làm nơi chứa thuốc lá điều nhập lậu để bán lại kiếm lời. L lên mạng internet và mạng xã hội Facebook, vào các hội nhóm mua bán thuốc lá điều nhập lậu để tìm mua. Khi cần mua loại nào, L đăng ảnh và để lại số điện thoại liên lạc. Sau đó, các đối tượng trên mạng liên lạc lại với L báo giá và sau khi thỏa thuận thống nhất thì đối tượng mang thuốc lá đến giao cho L tại địa chỉ 3 T, phường P, quận T. Khi các đối tượng đến giao thuốc lá điều nhập lậu, L trực tiếp nhận, thanh toán tiền mặt rồi bán lại cho khách vãng lai (không rõ lai lịch) thông qua mạng internet, mạng xã hội Facebook.

[1.2] Đến giữa tháng 11/2021, Nguyễn Thị Thanh L thuê Phạm Thị Thu H với tiền công 100.000 đồng/buổi để đóng gói và giao thuốc lá cho khách. Ngày 08/01/2022, L chỉ đạo H lấy 70 (bảy mươi) bao thuốc lá hiệu King Edward The Seventh Chocolate Imperial trong nhà số C T đi giao cho Hoàng Văn L1. Và khi H điều khiển xe gắn máy biển số 59M1-62970 chở 70 (bảy mươi) bao thuốc lá nêu trên đến trước số C T, phường P, quận T để giao cho Hoàng Văn L1 thì bị Công an quận T kiểm tra thu giữ vào lúc 09 giờ cùng ngày 08/01/2022. Từ đó Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét tại địa chỉ 3 T, phường P, quận T phát hiện thu giữ 7.040 (bảy ngàn không trăm bốn mươi) bao thuốc lá điều các loại là của Nguyễn Thị Thanh L đã mua trên mạng trước đó nhưng chưa kịp tiêu thụ.

[1.3] Căn cứ Công văn số 28/CVTĐ-2022-HHTLVN, ngày 16/02/2022 của H2 “Về việc thẩm định thuốc lá điều nhập lậu” và Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/08/2020 của Chính phủ thì có căn cứ để xác định: tổng số lượng thuốc lá nhập lậu mà Nguyễn Thị Thanh L có hành vi buôn bán là: 6.571 bao thuốc lá điều các loại.

[2] Với hành vi nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thanh L và bị cáo Phạm Thị Thu H phạm tội: “Buôn bán hàng cấm” theo điểm

b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28/4/2023, bị cáo Nguyễn Thị Thanh L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Phạm Thị Thu H có đơn kháng cáo kêu oan nhưng đến ngày 14/7/2023, bị cáo Phạm Thị Thu H có đơn sửa đổi, bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo L, bị cáo H:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến việc quản lý của Nhà nước về sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa nên cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm mới bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Nhưng khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử còn xem xét đến tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

[4.1] Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo L là người trực tiếp đặt mua thuốc lá nhập lậu, nhận thuốc lá, thanh toán tiền, rao bán lại cho khách và nhận tiền từ khách mua thuốc, còn bị cáo H là người được bị cáo L thuê làm công, làm ngày nào hưởng tiền công ngày đó, bị cáo H không trực tiếp đặt mua thuốc, không thỏa thuận giá thuốc, không nhận tiền từ khách mà chỉ đến đóng gói, giao thuốc theo chỉ đạo của bị cáo L. Do đó bị cáo L và bị cáo H là đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo L giữ vai trò là người thực hành, còn bị cáo H làm công ăn lương, là người giúp sức cho bị cáo L nên có vai trò hạn chế, do đó, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt khi lượng hình đối với các bị cáo đồng phạm.

[4.2] Xét tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo L còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội là phụ nữ có thai được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo H hiện có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, có cha ruột là Phạm Văn T1 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy Chương vì có nhiều thành tích trong quá trình công tác nên bị cáo H được hưởng các tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.3] Nhân thân: Bị cáo L, bị cáo H đều có nhân thân tốt.

[5] Với hành vi phạm tội, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân như đã nêu ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo L 09 năm tù và xử phạt bị cáo H 02 năm 06 tháng tù.

[6] Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo L, bị cáo H tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính; bị cáo L giao nộp tài liệu thể hiện có cha ruột Nguyễn Đình Í là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhì nên cần cho các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Đối với bị cáo L, với hành vi phạm tội, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ (điểm s, điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015) như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử, xét thấy cũng nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; Đối với bị cáo H ban đầu kháng cáo kêu oan (cho rằng 70 bao thuốc lá nhập lậu chưa đủ định lượng 1.500 bao để xác định bị cáo phạm tội “Buôn bán hàng cấm”) nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thay đổi kháng cáo và chỉ xin được hưởng án treo. Xét thấy, bị cáo thay đổi kháng cáo thể hiện sự thay đổi về nhận thức, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; xét bản thân bị cáo là người làm công nên phụ thuộc bị cáo L, bị cáo phạm tội với vai trò hạn chế, hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, do đó Hội đồng xét xử cân nhắc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa. Những điều này phù hợp với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

[8] Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo L, H đã tự nguyện nộp lại số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính. Để thuận lợi cho việc thi hành án cần cần trừ số tiền thu lợi bất chính vào số tiền mà các bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[9] Về án phí: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị nên đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2021,

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Phạm Thị Thu H và sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh L 08 (tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn điểm b khoản 3 Điều 190; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 09/8/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo nêu trên thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021,

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh L nộp lại số tiền thu lợi bất chính là: 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng), nhưng được căn trừ vào số tiền 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số AA/2022/0001791 ngày 20/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Buộc bị cáo Phạm Thị Thu H nộp lại số tiền thu lợi bất chính là: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), nhưng được căn trừ vào số tiền 2.000.000 (hai triệu đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0001822 ngày 26/7/2023.

5. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

6. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo được hưởng án treo)

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận Tân Phú; (2)
- P.V06 - CATP; (1)
- Bị cáo; (2)
- THADS quận Tân Phú; (1)
- TAND quận Tân Phú; (2)
- Công an quận Tân Phú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng